

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/KDTM-ST

Ngày: 30-9- 2024

"T/c Hợp đồng thi công "

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hồ Thị Xuân Hương.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Bà Võ Thị Kim Lan;

+ Bà Nguyễn Thị Hoài Như.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Thuý Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thuý Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 35/2024/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST- KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-KDTM ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH M, địa chỉ: Xóm F, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn H – Giám đốc Công ty; địa chỉ: Xóm F, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T – Luật sư thuộc Văn phòng L1 (địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, (*Văn bản uỷ quyền 09/5/2024*), có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đ1, địa chỉ: Tầng M, S, H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Việt C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: Căn hộ B S, Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban Q (NPMU), địa chỉ: Số C đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hồng L – Giám đốc, vắng mặt. *Người đại diện theo theo uỷ quyền:* Ông Lê Ngọc T1 - Chức vụ: Trưởng phòng quản lý công trình- Ban Q; địa chỉ: Số

C đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền số 3765/UQ-CPCNPMU ngày 06/9/2024*), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH M trình bày:

Ngày 27/04/2021 và ngày 29/04/2021 Công ty TNHH M (*Sau đây viết tắt là: Công ty M*) với Công ty Cổ phần Đ1 (*Sau đây viết tắt là: Công ty Đ1*) đã tiến hành ký kết 02 hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS và số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 về việc thi công kéo rã dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo” do Ban Q (NPMU) làm chủ đầu tư. Tổng giá trị của 02 hợp đồng trên là 4.353.673.500 đồng.

+ Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS ký kết ngày 27/04/2021 có giá trị 2.001.309.300 đồng

+ Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ký kết ngày 29/04/2021 có giá trị: 2.352.364.300 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng số 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS phát sinh một vài vấn đề cần phải điều chỉnh, bổ sung. Vì vậy, ngày 29/05/2021 Công ty M và Công ty Đ1 đã tiến hành ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng (PL01) nâng giá trị của hợp đồng số 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS từ 2.001.309.300 đồng lên thành **2.444.999.700** đồng.

Quá trình thực hiện 02 hợp đồng nêu trên, Công ty M đã tạm ứng 30% giá trị của hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS là: 600.392.760 đồng và 30% giá trị của hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 là: 705.709.290 đồng. Công ty M đã thi công hoàn thành đúng khối lượng và phạm vi công việc, đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, bàn giao đúng tiến độ theo cam kết.

Ngày 30/06/2021 Công ty M đã chuyển đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty Đ1, đề nghị Công ty Đ1 thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS và hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01, phụ lục hợp đồng (PL01) và chi phí đền bù cho Công ty M.

Dự án nâng tiết diện đường dây 110kV Đ – Lao Bảo đã được chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng, Công ty M cũng đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình của mình, các hợp đồng ký kết cũng đã được thanh lý nhưng từ đó đến nay Công ty Đ1 không thực hiện việc thanh toán giá trị còn lại cho Công ty M.

Nay, Công ty M khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xem xét giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền **4.596.398.350** đồng (*Bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn ba trăm năm mươi đồng*) trong đó: Giá trị còn lại của Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS (Kèm phụ lục hợp đồng): 1.844.606.940 đồng (*Một*

tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng); Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01: 1.646.655.010 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn không trăm mười đồng); Chi phí đền bù thi công: 67.240.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) và 35 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 30/06/2021 đến 30/06/2024 (35 tháng) với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, số tiền lãi được tính như sau: 3.558.501.950 đồng (giá trị còn lại của các hợp đồng và chi phí đền bù) x 10%/năm : 12tháng x 35 tháng = 1.037.896.400 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán số tiền: **4.596.398.350** đồng (Bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Ngọc T1 trình bày:* Ban quản lý dự án ký kết hợp đồng tổng với Công ty Cổ phần Đ1. Nội dung khởi kiện của Công ty TNHH M thuộc phạm vi Hợp đồng thi công hạng mục thi công kéo rải dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo”. Đây là quan hệ hợp đồng giữa hai chủ thể là Công ty TNHH M với Công ty Cổ phần Đ1 (một phần công trình). Ban Q (NPMU) không ký kết, không có quyền lợi, nghĩa vụ đối với hợp đồng thi công giữa hai chủ thể này nên không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xác minh, được biết ông Nguyễn Việt C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ1 hiện đang chấp hành án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại Trại tạm giam V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty Cổ phần Đ1; địa chỉ trụ sở chính: Tầng M, S, H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội đăng ký hoạt động kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0106071307. Doanh nghiệp đang ở trạng thái không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, ban hành các văn bản tố tụng, chấp hành thời hạn tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ triệu

tập phiên toà lần thứ hai nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 Luật thương mại, xử: : chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 phải trả số tiền còn nợ là: Giá trị còn lại của Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS (Kèm phụ lục hợp đồng): 1.844.606.940 đồng (*Một tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng*); Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01: 1.646.655.010 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn không trăm mười đồng*); Chi phí đền bù thi công: 67.240.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) và 35 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 30/06/2021 đến 30/06/2024 (35 tháng) với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, số tiền lãi được tính như sau: **3.558.501.950** đồng (giá trị còn lại của các hợp đồng và chi phí đền bù) x 10%/năm/12 tháng x 35 tháng = 1.037.896.400 đồng; tổng cộng là **4.596.398.350** (*Bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn ba trăm năm mươi*) đồng.

Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS ngày 27/04/2021 và Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ngày 29/04/2021 được ký kết giữa: Công ty M với Công ty Đ1 về việc thi công kéo rãnh dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo”. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tại hợp đồng các bên thoả thuận nếu xảy ra tranh chấp thì lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết. Lựa chọn trên là không đúng thẩm quyền của Toà án các cấp. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty Cổ phần Đ1, bị đơn không cử người đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên cần xét xử vắng mặt

Công ty Cổ phần Đ1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 điện miền B Việt Nam phải thanh toán khoản tiền thi công còn nợ, thấy rằng:

Các Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS ngày 27/04/2021 và Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ngày 29/04/2021 được ký kết giữa: Công ty M với Công ty Đ1 về việc thi công kéo rã dây dẫn và cấp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo” đã phát sinh hiệu lực. Theo đó, Công ty M đã thực hiện thi công kéo rã dây dẫn và cấp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo”, địa điểm xây dựng: Tuyến đường dây 110kv đi trên địa phận các huyện: Triệu Phong, C, Đ, H và thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Công ty M đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong 02 hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS ngày 27/04/2021 và Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ngày 29/04/2021, thi công hoàn thành, được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng có xác nhận của Chủ dự án đầu tư với tổng giá trị 3.558.501.950 (Ba tỷ năm trăm năm mươi tám triệu năm trăm lẻ một ngàn chín trăm năm mươi) đồng. Trong đó, thanh toán 02 hợp đồng là 3.491.261.950 đồng; chi phí đền bù thi công phát sinh: 67.240.000 đồng, cụ thể như sau:

+Hợp đồng số: 02/2021/HĐXL-MEPC-MTS (Kèm phụ lục hợp đồng): 2.444.999.700 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm đồng); Công ty M đã tạm ứng: 600.392.760 đồng. số tiền còn phải thanh toán là: 1.844.606.940 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng);

+ Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01: 2.352.364.300 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi đồng). Công ty M đã tạm ứng: 705.709.290 đồng. số tiền còn phải thanh toán là: 1.646.655.010 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn không trăm mười đồng);

+ Chi phí đền bù thi công: 67.240.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngày 28/6/2021, Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư được Tổng Công ty Đ2 thành lập theo Quyết định số 464/QĐ-EVNPC ngày 17/01/2020 tiến hành nghiệm thu khối lượng đã thực hiện, hoàn thành hạng mục công trình, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Ngày 30/6/2021, Công ty TNHH M với Công ty Cổ phần Đ1 lập biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung: Giá trị hợp đồng+ phụ lục hợp đồng: 4.797.364.000 VNĐ; giá trị khối lượng đã nghiệm thu: 4.864.604.000 VNĐ; Giá

trị Bên A đã tạm ứng/thanh toán cho Bên B: 1.306.102.050 VNĐ; Giá trị Bên A còn phải thanh toán cho Bên B: 3.558.501.950 VNĐ;

Theo khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng về tạm ứng, phương thức và điều kiện thanh toán, các bên thoả thuận: “Thanh toán khối lượng hoàn thành: Toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng, (sau khi đã trừ đi tạm ứng) sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng điện vận hành công trình và Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán.

Công ty TNHH M đã xuất hoá đơn tài chính cho Công ty Cổ phần Đ1.

Đã quá thời hạn theo thoả thuận nhưng Bên A Công ty Cổ phần Đ1 vẫn không thanh toán cho Bên B Công ty TNHH M. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán khoản nợ tiền nhân công thi công phần ngầm móng trụ với số tiền 3.558.501.950 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi: Công ty TNHH M yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 điện miền B Việt Nam 35 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 30/06/2021 đến 30/06/2024 (35 tháng) với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, số tiền lãi được tính như sau: 3.558.501.950 đồng (giá trị còn lại của các hợp đồng và chi phí đền bù) x 10%/năm : 12tháng x 35 tháng = 1.037.896.400 đồng.

Hội đồng, xét xử thấy: Mặc dù hợp đồng không có thỏa thuận về lãi chậm trả. Tuy nhiên, tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng quy định thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng điện vận hành công trình và Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán. Do Công ty Cổ phần Đ1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 3.558.501.950 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ, tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày đến thời hạn thanh toán 30/7/2021 đến ngày xét xử 30/6/2024 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng với số tiền 1.037.896.400 đồng (3.558.501.950 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng = 1.037.896.400 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn và buộc Công ty Cổ phần Đ1 điện miền B Việt Nam phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho Công ty TNHH M đến ngày 11/9/2024 là 68.393.000 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả cho Công ty TNHH M khoản nợ tiền thanh toán hợp đồng thi công kéo rã dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “Nâng tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo”, địa điểm xây dựng: Tuyến đường dây 110kv đi trên địa phận các huyện: Triệu Phong, C, Đ, H và thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo 02 hợp đồng số: 02/2021/ HĐXL-MEPC-MTS ngày 27/04/2021 và Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ngày 29/04/2021 và tiền lãi chậm trả là **4.596.398.350** (Bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn ba trăm năm mươi) đồng. Trong đó: Tiền nợ công trình là: 3.491.261.950 (Ba tỷ bốn trăm chín mươi một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn chín trăm năm mươi)

đồng; chi phí đền bù phát sinh trong thi công: 67.240.000 (*Sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn*) đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 30/7/2021 đến 30/6/2024 (35 tháng) với lãi suất 10%/năm 1.037.896.400 (*Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm*) đồng.

[4]. *Về án phí*: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận trên số tiền phải trả cho nguyên đơn đồng là 112.596.398 đồng (112.000.000+ 0,1% của số tiền vượt quá 4.000.000.000 đồng là **596.398.350** đồng = 596.398 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M: Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả cho Công ty TNHH M số tiền còn nợ tại các hợp đồng số: 02/2021/ HĐXL-MEPC-MTS ngày 27/04/2021 và Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-MTS01 ngày 29/04/2021 và tiền lãi chậm trả là **4.596.398.350** (*Bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn ba trăm năm mươi*) đồng. Trong đó: Tiền nợ công trình là: 3.491.261.950 (*Ba tỷ bốn trăm chín mươi một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn chín trăm năm mươi*) đồng; chi phí đền bù phát sinh trong thi công: 67.240.000 (*Sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn*) đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 30/7/2021 đến 30/6/2024 (35 tháng) với lãi suất 10%/năm là: 1.037.896.400 (*Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu 112.596.398 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.298.199 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm chín mươi chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/2023/0000415 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND, Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương